

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026 PHƯỜNG TRĂNG BOM

(Kèm theo Tờ trình số/TTr- KTHĐĐT ngày...../...../2026 của phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị)

Đơn vị tính: Ngàn đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
	Tổng cộng	902	869	482.389.000	488.097.000	177.646.528	310.450.472		
A	DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN			149.241.000	154.949.000		154.949.000		
1	Nguồn vốn ngân sách tỉnh bổ sung			42.041.000	42.041.000		42.041.000		
-	Nguồn vốn tập trung			25.098.000	25.098.000		25.098.000		
-	Nguồn vốn xổ số kiến thiết			16.943.000	16.943.000		16.943.000		
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất được hưởng			107.200.000	107.200.000		107.200.000		
3	Nguồn thu khác tại xã (thu huy động đóng góp)				5.708.000		5.708.000		
B	DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN	902	869	322.764.000	322.764.000	177.646.528	145.117.472	7.565.000	
I	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	768	745	202.939.000	202.939.000	156.500.938	46.438.062	3.161.600	
1	Trung tâm Chính trị	4	4		2.531.400	706.600	1.824.800	32.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	4	4		1.026.600	706.600	320.000	32.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các lớp chính trị				1.504.800		1.504.800		Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các lớp chính trị là 1.500 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán cho cán bộ, công chức năm 2026 là 4.800 ngàn đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
2	Các đơn vị trường học	764	741		190.320.722	155.794.338	34.526.384	3.029.600	
2.1	Trường MG Giang Điền	20	20		4.820.560	3.585.400	1.235.160	120.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	20	20		4.785.400	3.585.400	1.200.000	120.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				35.160		35.160		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn cho trẻ mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.2	Trường MG Quảng Tiến	22	22		5.140.445	3.772.100	1.368.345	132.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	22	22		5.092.100	3.772.100	1.320.000	132.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				48.345		48.345		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn cho trẻ mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.3	Trường MN Tân Lập	37	36		8.569.740	6.293.990	2.275.750	222.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	37	36		8.513.990	6.293.990	2.220.000	222.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				55.750		55.750		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ tiền ăn cho trẻ mầm non theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.4	Trường MN Hoa Mai	33	30		8.088.880	6.013.280	2.075.600	203.600	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	33	30		7.993.280	6.013.280	1.980.000	198.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				95.600		95.600	5.600	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026; hỗ trợ trường có từ 02 cơ sở trở lên
2.5	Trường MN Tuổi Thơ	28	27		7.400.780	5.687.180	1.713.600	168.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	28	27		7.367.180	5.687.180	1.680.000	168.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				33.600		33.600		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.6	Trường TH Quảng Biên	60	58		15.455.425	12.934.458	2.520.967	210.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	60	58		15.034.458	12.934.458	2.100.000	210.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				420.967		420.967		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.7	Trường TH Lê Văn Tám	34	32		7.780.928	6.253.094	1.527.834	119.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	34	32		7.443.094	6.253.094	1.190.000	119.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				337.834		337.834		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.8	Trường TH Nguyễn Bình Khiêm	44	43		12.449.908	10.478.174	1.971.734	154.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	44	43		12.018.174	10.478.174	1.540.000	154.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				431.734		431.734		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.9	Trường TH Trưng Vương	70	66		18.516.189	15.492.600	3.023.589	245.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	70	66		17.942.600	15.492.600	2.450.000	245.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				573.589		573.589		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ học sinh khuyết tật, giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.10	Trường TH Trảng Bom	63	62		14.919.810	12.292.346	2.627.464	220.500	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	63	62		14.497.346	12.292.346	2.205.000	220.500	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				422.464		422.464		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.11	Trường TH Cao Bá Quát	34	33		9.278.494	8.036.894	1.241.600	119.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	34	33		9.226.894	8.036.894	1.190.000	119.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				51.600		51.600		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.12	Trường TH-THCS Trần Quốc Tuấn	60	55		14.611.241	12.226.374	2.384.867	210.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	60	55		14.326.374	12.226.374	2.100.000	210.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				284.867		284.867		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.13	Trường THCS Lý Tự Trọng	54	54		13.962.689	11.694.588	2.268.101	189.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	54	54		13.584.588	11.694.588	1.890.000	189.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				378.101		378.101		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.14	Trường THCS Võ Thị Sáu	66	64		15.248.866	12.501.392	2.747.474	231.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	66	64		14.811.392	12.501.392	2.310.000	231.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				437.474		437.474		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.15	Trường THCS Hùng Vương	83	83		20.863.694	17.538.398	3.325.296	290.500	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	83	83		20.443.398	17.538.398	2.905.000	290.500	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				420.296		420.296		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
2.16	Trường THCS Võ Nguyên Giáp	56	56		13.213.073	10.994.070	2.219.003	196.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	56	56		12.954.070	10.994.070	1.960.000	196.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				259.003		259.003		Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ; hỗ trợ giáo viên dạy trẻ khuyết tật; hỗ trợ giáo viên tiền Tết Nguyên đán năm 2026
3	Dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo chưa phân bổ chi tiết				10.086.878		10.086.878	100.000	Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các chế độ chính sách phát sinh như: bổ sung quỹ lương đối với biên chế chưa tuyển tại thời điểm quyết định giao dự toán; hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh theo Nghị định số 235/82025/NĐ-CP của Chính phủ; chính sách hỗ trợ giáo dục mầm non ngoài công lập theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các nhiệm vụ phát sinh khác của ngành giáo dục và đào tạo theo quy định
II	Chi quốc phòng - an ninh	0			18.966.159		18.966.159	300.000	
1	Chi quốc phòng				7.467.985		7.467.985		

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Ban Chỉ huy Quân sự phường				7.467.985		7.467.985		Kinh phí chi chế độ phụ cấp, hỗ trợ cho lực lượng dân quân thường trực, dân quân tự vệ là 7.434,385 triệu đồng và hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 là 33.600 ngàn đồng
2	Chi an ninh				8.498.174		8.498.174		
-	Văn phòng HĐND&UBND phường				8.498.174		8.498.174		Kinh phí chi chế độ phụ cấp, hỗ trợ cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh là 8.398,574 triệu đồng và hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 là 99.600 ngàn đồng
3	Dự toán chi quốc phòng - an ninh chưa phân bổ chi tiết				3.000.000		3.000.000	300.000	Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ phát sinh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong năm 2026
III	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	15	13		5.827.450	2.020.640	3.806.810	375.000	
1	Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp	15	13		2.827.450	2.020.640	806.810	75.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	15	13		2.770.640	2.020.640	750.000	75.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách				56.810		56.810		Kinh phí chi quỹ lương cho cán bộ không chuyên trách là 40.010 ngàn đồng và hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 là 16.800 ngàn đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
2	Dự toán chi sự nghiệp văn hóa thông tin chưa phân bổ chi tiết				3.000.000		3.000.000	300.000	Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ phát sinh như: Kinh phí duy trì thảm cỏ, bồn hoa cây xanh, sửa chữa nhỏ, tiền điện chiếu sáng, tiền thuê mướn bảo vệ, dọn dẹp, ... tại Nghĩa trang liệt sỹ, Bia chiến thắng, Công viên Văn hóa Hùng Vương và Trung tâm tổ chức sự kiện; Kinh phí tổ chức, tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao và các khoản kinh phí khác
IV	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			1.920.000	1.920.000		1.920.000		Khoản dự toán kinh phí này sẽ thực hiện phân bổ chi tiết cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ phát sinh trong năm 2026
V	Chi sự nghiệp kinh tế				31.193.352		31.193.352	1.995.800	
1	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				11.735.352		11.735.352	50.000	
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị				11.735.352		11.735.352	50.000	Kinh phí thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã là 11.235,352 triệu đồng và kinh phí thực hiện các hoạt động khác về môi trường theo phân cấp tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 03/10/2025 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh, ... là 500 triệu đồng
2	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính				14.458.000	0	14.458.000	1.445.800	
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị				14.458.000		14.458.000	1.445.800	Kinh phí thanh toán tiền điện hệ thống chiếu sáng công cộng là 3.600 triệu đồng; Kinh phí chăm sóc công viên cây xanh, bồn hoa, thảm cỏ và vệ sinh đô thị là 9.996 triệu đồng; Kinh phí vận hành trạm điện chiếu sáng và nút đèn tín hiệu giao thông là 862 triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
3	Chi sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ				5.000.000		5.000.000	500.000	Dự toán kinh phí sự nghiệp sẽ được phân bổ chi tiết cho từng cơ quan, đơn vị khi thực hiện các nhiệm vụ được giao như: Kinh phí thực hiện quản lý, bảo dưỡng và sửa chữa thường xuyên các tuyến đường, ...
VI	Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể chính trị	119	111		42.237.644	19.124.950	23.112.694	1.624.400	
1	Văn phòng Đảng ủy phường	23	21		8.527.230	4.710.750	3.816.480	374.700	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	23	21		6.550.750	4.710.750	1.840.000	184.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Kinh phí phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Đảng ủy và kinh phí đặc thù khối đảng và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách				1.976.480		1.976.480	190.700	Kinh phí chi trả quỹ lương cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 44.280 ngàn đồng; kinh phí phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Thường trực Đảng ủy và kinh phí đặc thù khối đảng là 1.907 triệu đồng và hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho cán bộ, công chức là 25.200 ngàn đồng
2	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	11	11		4.157.480	2.085.680	2.071.800	172.900	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	11	11		2.965.680	2.085.680	880.000	88.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Kinh phí chi chế độ, hoạt động của các đoàn thể chính trị xã, ấp và kinh phí thực hiện các chế độ chính sách				1.191.800		1.191.800	84.900	Kinh phí chi trả quỹ lương cho người hoạt động không chuyên trách là 122 triệu đồng; hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho cán bộ, công chức là 16.800 ngàn đồng; Kinh phí chi phụ cấp cho chi hội trưởng, bí thư chi đoàn các ấp theo Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND tỉnh Đồng Nai; kinh phí hoạt động thường xuyên của các Hội đoàn thể ấp là 699 triệu đồng; Kinh phí thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh là 145 triệu đồng; hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân, chi hỗ trợ giám sát đầu tư cộng đồng là 15 triệu đồng; Kinh phí tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư của các ấp là 44 triệu đồng và Kinh phí tổ chức hội nghị giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức các hoạt động khác của đoàn thể - chính trị xã là 150 triệu đồng
3	Văn phòng HĐND&UBND phường	30	29		16.393.854	4.392.400	12.001.454	606.800	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	30	29		6.792.400	4.392.400	2.400.000	240.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân xã, điều hành của Ủy ban nhân dân				3.188.000		3.188.000	318.800	Kinh phí điều hành của TT.HĐND xã, kinh phí các kỳ họp HĐND, hoạt động giám sát, tiếp xúc cử tri,... theo quy định tại Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh là 1.352 triệu đồng; Kinh phí phục vụ hoạt động điều hành của Ủy ban nhân dân xã là 1.836 triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác				6.413.454		6.413.454	48.000	Kinh phí hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho cán bộ, công chức là 79.200 ngàn đồng; Kinh phí chi trả phụ cấp, hỗ trợ người hoạt động không chuyên trách ở ấp, người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp 4.454,254 triệu đồng; Kinh phí hoạt động của tổ nhân dân là 1.232 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ chăm sóc công viên, cây xanh trụ sở UBND xã là 480 triệu đồng và kinh phí thuê bảo vệ chốt gác đường sắt giao với đường dân sinh là 168 triệu đồng
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	28	25		6.482.790	4.121.830	2.360.960	224.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	28	25		6.361.830	4.121.830	2.240.000	224.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác				120.960		120.960		Kinh phí chi trả quỹ lương cho người hoạt động không chuyên trách là 88.560 ngàn đồng; hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho cán bộ, công chức là 32.400 ngàn đồng
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	19	17		4.438.440	2.698.040	1.740.400	152.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	19	17		4.218.040	2.698.040	1.520.000	152.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác				220.400		220.400		Kinh hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho cán bộ, công chức là 20.400 ngàn đồng và hỗ trợ chế độ chi trả thù lao tin bài đăng trên Trang thông tin điện tử của xã là 200 triệu đồng

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
6	Trung tâm Phục vụ hành chính công	8	8		2.237.850	1.116.250	1.121.600	94.000	
-	Dự toán phân bổ chi thường xuyên	8	8		1.756.250	1.116.250	640.000	64.000	Kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác				481.600		481.600	30.000	Kinh hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho cán bộ, công chức là 9.600 ngàn đồng; Kinh phí hỗ trợ cán bộ công chức viên chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã theo Quyết định 1327/QĐ-UBND ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh là 172 triệu đồng và Kinh phí phục vụ hoạt động tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã là 300 triệu đồng
VII	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội				17.992.544		17.992.544		
1	Phòng Văn hóa - Xã hội				17.895.080		17.895.080		
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác				17.895.080		17.895.080		Kinh phí trợ cấp thường xuyên, hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội là 7.299 triệu đồng; Kinh phí trợ cấp hưu trí xã hội là 7.680 triệu đồng; Kinh phí chi trả lệ phí bưu điện là 105 triệu đồng; Kinh phí tặng quà chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi là 435 triệu đồng; kinh phí thực hiện chính sách cho người có uy tín là 40.400 ngàn đồng và kinh phí hỗ trợ tiền Tết Nguyên đán năm 2026 cho các đối tượng là 2.335.680 ngàn đồng
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị				97.464		97.464		

STT	ĐƠN VỊ	Biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 (người)	Biên chế hiện có tại thời điểm giao dự toán (người)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG GIAO NĂM 2026 (ngàn đồng)	Bao gồm		TIẾT KIỆM CHI 10% (ngàn đồng)	GHI CHÚ
						Quỹ tiền lương (đã bao gồm: chế độ tiền thưởng và các khoản đóng góp), theo mức lương 2.340.000 đồng	Dự toán chi hoạt động theo định mức, chi chế độ chính sách và các nhiệm vụ được giao (ngàn đồng)		
A	B	1	2	3	4= 5+6	5	6	7	8
-	Dự toán chi đảm bảo các chế độ chính sách và các khoản kinh phí khác				97.464		97.464		Kinh phí hỗ trợ tiền hộ nghèo là 97.464 ngàn đồng
VIII	Các khoản chi khác ngân sách				1.687.851		1.687.851	108.200	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh khác và Kinh phí mua sắm tài sản cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã năm 2026
C	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH			10.384.000	10.384.000		10.384.000		

